

Bản án số: 39/2022/HN-ST

Ngày: 24-02-2022

V/v “Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tùng;

2. Bà Dương Thị Mỹ Trân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 252/2021/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021, về việc: “*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 02 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn:

Bà Trần Thị M, sinh năm 1974;

Nơi cư trú: ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

Ông Lê Văn P, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2021, văn bản trình bày ý kiến và biên bản hòa giải ngày 29/12/2021, nguyên đơn bà Trần Thị M trình bày:

Bà và ông Lê Văn P tìm hiểu rồi tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, thời gian đầu cuộc sống cũng hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông P thường xuyên ăn nhậu rồi về nhà kiểng chuyện chửi mắng, đánh đập

bà. Vì thương con nên bà cố gắng chịu đựng, hi vọng ông P sẽ thay đổi nhưng không có kết quả. Đến tháng 11/2020 thì bà về nhà cha mẹ ruột ở xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long ở và sống ly thân với ông P từ đó đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm và không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông P là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông P có 02 con chung tên Lê Quốc V, sinh năm 1993 và Lê Thị Mai L, sinh năm 1994 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến và biên bản hòa giải ngày 29/12/2021, bị đơn ông Lê Văn P trình bày:

Ông và bà Trần Thị M tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1991, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, thời gian đầu cũng hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, bà M về quê ở xã An Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long sống, còn ông vẫn ở xã Sơn Định, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Từ đó đến nay hai người không còn sống chung nữa. Nay ông thấy cuộc sống giữa ông và bà M cũng không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn nên ông cũng đồng ý đối với yêu cầu không công nhận ông và bà M là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông và bà M có 02 con chung tên Lê Quốc V, sinh năm 1993 và Lê Thị Mai L, sinh năm 1994 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Trần Thị M và bị đơn ông Lê Văn P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà M và ông P.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*” được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị M và ông Lê Văn P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy

định pháp luật. Mặc dù từ năm 1992 đến nay ông, bà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng đến nay ông, bà vẫn không đăng ký kết hôn nên căn cứ theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì bà M và ông P không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Theo bà M, quá trình chung sống với ông P thời gian đầu cũng hạnh phúc nhưng sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông P thường xuyên ăn nhậu rồi về nhà kiêu chuyện chửi mắng, đánh đập bà. Ban đầu vì thương con nên bà cố gắng chịu đựng nhưng nay bà không chịu đựng được nữa nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, Hiện bà và ông P đã sống ly thân từ tháng 11/2020 cho đến nay. Nay bà M xác định tình cảm không còn, không thể sống chung với ông P được nữa nên yêu cầu Tòa án không công nhận bà với ông P là vợ chồng.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà M và ông P thực tế là có xảy ra và giữa hai người có thời gian sống ly thân từ tháng 11/2020 đến nay, với khoảng thời gian trên cũng đủ cho ông, bà suy nghĩ lại tình cảm thế nhưng cả hai cũng không tìm cho mình một biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn giữa bà M và ông P là đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu không công nhận bà M và ông P là vợ chồng là phù hợp theo quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[4] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống, bà M và ông P có 02 con chung tên Lê Quốc V, sinh năm 1993 và Lê Thị Mai L, sinh năm 1994 đã trưởng thành nên không xét đến.

[5] Về tài sản chung: Bà M và ông P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[6] Về nợ chung: Bà M và ông P khai không có nên không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà M phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của bà Trần Thị M đối với ông Lê Văn P. Cụ thể tuyên:

Không công nhận bà Trần Thị M với ông Lê Văn P là vợ chồng.

- Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Có 02 con chung tên Lê Quốc V, sinh năm 1993 và Lê Thị Mai L, sinh năm 1994 đã trưởng thành nên không xét đến.

- Về tài sản chung: Bà M và ông P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

- Về nợ chung: Bà M và ông P khai không có nên không xem xét.

2/ Về án phí: Bà Trần Thị M phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001809 ngày 07/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Bà M đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HSVA+VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Lê Chí Hậu